

Số: 2879/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng
Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 tỷ lệ 1/2.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Thực hiện Quyết định số 2227/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương (Văn bản số 1517/TTr-SCT ngày 06/10/2017) và Giám đốc Sở Xây dựng (Văn bản số 1284/XSD-QHXD ngày 02/10/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và truyền thông; Trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hải Lăng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm Tin học tỉnh (CB);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG
KHU KINH TẾ ĐÔNG NAM QUẢNG TRỊ - GIAI ĐOẠN 1
TỶ LỆ 1/2.000**

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HẢI LĂNG - TỈNH QUẢNG TRỊ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2819~~ 2819/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2017
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Quảng Trị, tháng 10/2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Phạm vi, tính chất	4
Điều 3. Quy mô đất đai và các chỉ tiêu chung.....	4
Điều 4. Phân khu kiểm soát phát triển.....	6
Điều 5. Quy định quản lý kiểm soát phát triển không gian các khu chức năng chính:.....	6
Điều 6. Quy định kiểm soát các khu vực phát triển đặc biệt.....	8
Điều 7. Quy định về hạ tầng kỹ thuật	9
Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường:	14
PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ	16
Điều 9. Quy định đối với các khu chức năng	16
1. Khu số 1: Khu các dự án động lực.....	16
2. Khu số 2: Khu hỗ trợ phát triển các dự án động lực.....	21
3. Khu số 3: Hành lang xanh, vành đai xanh	23
4. Khu số 4: Khu tái định cư Hải An	24
5. Khu số 5: Khu làng xóm hiện trạng cải tạo, vùng đệm	24
6. Khu số 6: Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê	27
7. Những quy định cụ thể khác về kiến trúc và cảnh quan.....	30
PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	32
Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan	32
1. Kế hoạch tổ chức thực hiện.....	Error! Bookmark not defined.
2. Phân công trách nhiệm.....	32
3. Quy định về công bố thông tin.....	33
Điều 11. Quy định về xử phạt thi hành.....	34

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 nhằm quy định việc sử dụng đất đai, bảo vệ, tôn tạo và xây dựng các công trình tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị theo đúng quy hoạch đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt.

Ngoài những quy định trong Quy định quản lý này, việc quản lý xây dựng trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1 cần tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Phạm vi, tính chất

a) Phạm vi lập quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị - giai đoạn 1 có diện tích 5.940 ha được giới hạn như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Biển Đông;
- Phía Đông Nam giáp: Huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phía Tây Nam giáp: Quốc lộ 49C;
- Phía Tây Bắc giáp: Đường tỉnh ĐT.583 và xã Triệu Lăng.

b) Tính chất

- Là khu vực trọng tâm phát triển của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, nơi bố trí các dự án động lực quan trọng để xây dựng và phát triển của Khu kinh tế gồm các ngành, lĩnh vực: Sản xuất năng lượng, thương mại dịch vụ, giao thương quốc tế và cảng biển nước sâu, Logistics;

- Là khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, các điểm tái định cư, khu nhà ở cho công nhân và các chuyên gia;

- Là khu vực có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ theo hướng hiện đại, kiến trúc cảnh quan hài hòa, đảm bảo an toàn môi trường.

Điều 3. Quy mô đất đai và các chỉ tiêu chung

Tổng diện tích đất trong phạm vi ranh giới theo quy hoạch theo quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1 là 5.940 ha. Cụ thể đất đai trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1 được quản lý theo bảng tổng hợp sử dụng đất dưới đây:

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất KKT Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		5940,0	100,0
A	KHU CÁC DỰ ÁN ĐỘNG LỰC		1195,0	20,1
I	Đất xây dựng cảng biển Mỹ Thủy (sân cảng 335 ha)		335	

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2	Trung tâm tiếp nhận và xử lý khí (Nhà máy nhiệt điện khí, khu kỹ thuật tiếp khí vào bờ, kho) - Nhà máy nhiệt điện khí 200 ha - Khu tiếp và xử lý khí 155 ha		355	
3	Trung tâm nhiệt điện BOT Quảng Trị		505	
3.1	- Nhà máy nhiệt điện BOT		450	
3.2	- Khu đất dự trữ phát triển nhà máy nhiệt điện		55	
B	KHU VỰC PHỤ CẬN		4745,0	79,9
1	Đất dân dụng		1056,8	17,8
1.1	Đất ở		694,8	
1.1.1	Đất nhóm nhà ở tái định cư	NO	220,0	
-	Khu tái định cư Hải An	NO 1	170,0	
-	Khu tái định cư Hải Khê (giai đoạn I)	NO 2	50,0	
1.1.2	Đất dân cư hiện trạng		376,5	
1.1.3	Đất ở chuyên gia	CG	49,4	
1.1.4	Đất ở công nhân	OCN 1	48,9	
1.2	Đất công cộng	CCDT	90,3	
1.2.1	Đất cụm trường học	CTH	3,4	
1.2.2	Đất trung tâm y tế	VHYT	1,5	
1.2.3	Đất công cộng hỗn hợp	CCDT	85,4	
1.3	Đất cây xanh công viên - TDTT	CXCV	21,4	
1.4	Đất dịch vụ		132,7	
1.4.1	Đất dịch vụ thương mại	DV	111,5	
1.4.2	Đất dịch vụ văn hóa	DVVH	21,2	
1.5	Đất giao thông		117,6	
2	Đất ngoài dân dụng		2722,2	45,8
2.1	Đất khu phi thuế quan	PTQ	275,0	
2.2	Đất khu vực hỗ trợ phát triển cảng biển (Logistic,...)	CNCB	119,4	
2.3	Đất công nghiệp phụ trợ		299,2	
2.3.1	Đất công nghiệp hỗn hợp	CNHH	92,9	
2.3.2	Đất công nghiệp hỗ trợ nhà máy nhiệt điện	CNND	59,6	
2.3.3	Đất công nghiệp hỗ trợ khu phức hợp năng lượng	CNPH	146,7	
2.4	Đất tiêu thụ công nghiệp	TTCN	97,4	
2.5	Đất kho tàng	KT	89,7	
2.6	Đất du lịch	DLST	53,8	
2.7	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4,9	
2.8	Đất giao thông (đôi ngoại)		410,3	
2.9	Đất cây xanh		962,9	
2.9.1	Đất cây xanh chuyên đề	CXCĐ	517,0	
2.9.2	Đất cây xanh cách li	CXCL	333,4	
2.9.3	Mặt nước	MN	112,5	

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.10	Đất nghĩa trang	NT	409,7	
3	Đất khác		966	16,3
3.1	Đất nông nghiệp	NN	531,5	
3.1.1	Đất chăn nuôi công nghệ cao	CNCNC	19,1	
3.1.2	Đất nuôi trồng thủy hải sản	NTS	23,5	
3.1.3	Đất lúa	DL	214,7	
3.1.4	Đất hoa màu	R	217,7	
3.1.5	Đất sản xuất nông nghiệp tập trung	NNTT	56,5	
3.2	Đất rừng		362,2	
3.2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	287,9	
3.2.2	Đất rừng sản xuất	RSX	74,3	
3.3	Đất bãi cát	BC	32,8	
3.4	Đất trung tâm hỗ trợ nghề cá	HTNC	11,5	
3.5	Đất an ninh quốc phòng (đồn biên phòng)	ANQP	9,9	
3.6	Đất dự trữ phát triển khu nhà ở	DTNO	18,0	
	TỔNG CỘNG		5940,0	100,0

Điều 4. Phân khu kiểm soát phát triển:

Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1 được chia thành 06 khu vực để kiểm soát phát triển:

- Khu vực 1: Khu các dự án động lực;
- Khu vực 2: Khu hỗ trợ phát triển các dự án động lực;
- Khu vực 3: Hành lang xanh, vành đai xanh;
- Khu vực 4: Khu tái định cư Hải An;
- Khu vực 5: Khu làng xóm hiện trạng cải tạo, vùng đệm;
- Khu vực 6: Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê.

Điều 5. Quy định quản lý kiểm soát phát triển không gian các khu chức năng chính:

1. Khu phi thuế quan: Quy mô diện tích khoảng 275 ha ở khu vực phía Tây Nam cảng biển, kế cận tuyến đường trục chính Khu kinh tế và QL.15D; khu phi thuế quan có hướng tiếp cận trực tiếp với một phần cảng biển nước sâu Mỹ Thủy.

2. Khu cảng biển Mỹ Thủy: Có diện tích khoảng 335 ha, vị trí phía Bắc xã Hải An và bên cạnh Trung tâm điện lực Quảng Trị, công suất cảng giai đoạn 1 đến năm 2025 đạt 13,5 triệu tấn/năm; giai đoạn 2 đến năm 2035 đạt 27 triệu tấn/năm.

3. Khu Trung tâm nhiệt điện Quảng Trị (thực hiện theo dự án riêng): Có diện tích 505 ha, bao gồm:

- Nhà máy nhiệt điện than, diện tích 450ha, bố trí tại xã Hải Khê và một phần tại xã Hải An; giai đoạn 1 đạt công suất 1.320MW với công nghệ nhiệt điện than, giai đoạn 2 đạt công suất 2.400MW với công nghệ than - khí;

- Khu đất phía Tây nhà máy nhiệt điện: Là khu vực xây dựng khu hỗ trợ kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện và khu vực dự trữ phát triển, diện tích khoảng 55 ha;

- Khu vực cây xanh phòng hộ ven biển đồng thời tạo dải cây xanh cách ly an toàn với các điểm dân cư xung quanh.

4. Khu trung tâm tiếp nhận và xử lý các sản phẩm khí tự nhiên: Diện tích khoảng 355 ha, vị trí giáp phía Bắc cảng biển Mỹ Thủy; chức năng xử lý các sản phẩm dầu và khí tự nhiên; xây dựng nhà máy nhiệt điện khí khoảng 200 ha, kho dầu và khí với diện tích khoảng 155 ha; tạo dải cây xanh và hành lang dọc tuyến ống dẫn dầu, dẫn khí; bố trí dải cây xanh cách ly đảm bảo an toàn xung quanh khu vực kho và nhà máy (khoảng cách ly được thực hiện theo đánh giá tác động môi trường của dự án).

5. Các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ phát triển, kho tàng: Diện tích khoảng 605,7 ha, bao gồm:

- Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển cảng biển, công nghiệp hỗ trợ phát triển nhà máy nhiệt điện, công nghiệp hỗ trợ khu phức hợp năng lượng: Vị trí ở các khu vực còn cát thuộc các xã: Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương; bố trí các loại hình công nghiệp: Cơ khí, lắp ráp, bao bì, đóng gói, chế biến nông - lâm - thủy hải sản, công nghiệp vật liệu mới, vật liệu xây dựng, gốm sứ thủy tinh... khí - điện - đạm, amon, thủy tinh cao cấp, màn hình led, các sản phẩm từ cát silics. ...v.v;

- Khu kho tàng chung: Diện tích khoảng 89,7 ha, ngoài ra tại các khu chức năng và công nghiệp được bố trí kho tàng riêng;

Mật độ xây dựng tối đa tại các nhà máy công nghiệp là 60%, tầng cao từ 1 ÷ 2 tầng đối với nhà xưởng, khuyến khích tăng hệ số sử dụng đất và tầng cao, giảm mật độ xây dựng và tăng diện tích cây xanh, khoảng lùi; phải bố trí cây xanh cách ly và cảnh quan bao quanh khu công nghiệp tối thiểu 50m, đối với các nhà máy xử lý các sản phẩm về dầu khí là 500m, riêng khoảng cách ly đối với trung tâm nhiệt điện than được thực hiện theo dự án riêng.

6. Các khu trung tâm: Trung tâm công cộng, điều hành quản lý, trung tâm xúc tiến và thu hút đầu tư đặc biệt, khu dịch vụ thương mại và văn hóa, khu các công trình công cộng phục vụ cộng đồng: Diện tích khoảng 223 ha, bố trí theo tầng bậc, tập trung lớn tại khu vực nút giao trục lộ trung tâm Khu kinh tế và đường QL.15D; chức năng chính là trung tâm công cộng, trung tâm điều hành, trung tâm dịch vụ, thương mại, tài chính ngân hàng; các tổ hợp công trình cao tầng, không giới hạn tầng cao công trình (khuyến khích cao tầng, kiến trúc hiện đại).

7. Khu dịch vụ du lịch: Diện tích 53,8 ha điểm dịch vụ du lịch biển tại Hải Khê; khai thác các dải ven biển có cảnh quan và bãi tắm hiện hữu, xây dựng phát triển thành các khu du lịch nghỉ dưỡng.

8. Các khu dân cư:

- Các khu tái định cư, nhà ở công nhân và chuyên gia: Diện tích khoảng 451,3 ha, bao gồm: Khu tái định cư Hải Khê, quy mô 183 ha; là khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1. Khu tái định cư xã Hải An, quy

mô 170 ha, là khu tái định cư cho dự án xây dựng cảng biển Mỹ Thủy. Khu nhà ở dành cho công nhân và chuyên gia, quy mô 98,3 ha, vị trí phía Nam khu tái định cư xã Hải Khê;

- Các công trình nhà vườn từ 2 ÷ 3 tầng, mật độ xây dựng 20 ÷ 35%;

- Khu nhà ở phục vụ công nhân và chuyên gia: Mật độ xây dựng 30 ÷ 35%, tầng cao 3 ÷ 5 tầng, có thể xây dựng các loại hình nhà ở dạng chung cư, tùy nhiên hình thức kiến trúc và không gian phù hợp điều kiện cảnh quan sinh thái địa phương.

9. Hệ thống cây xanh công viên, không gian xanh:

Bảo vệ hệ thống cây xanh sinh thái ven sông, ven biển, trên các đồi cồn hiện có và hệ thống cây xanh tại các khu vực làng xóm hiện hữu; tăng cường các sân thể thao có quy mô nhỏ tại các khu vực trường học, khu vực công cộng để phục vụ cộng đồng gồm có:

- Cây xanh công viên và trung tâm thể dục thể thao: Tổng diện tích khoảng 21,4 ha, bố trí tại phía Bắc khu vực hồ nước ngọt Dương - Khê;

- Cây xanh cách ly: Được bố trí dọc theo tuyến đường QL.49C, đường QL.15D khu vực đất dự trữ xây dựng công trình thoát lũ cấp vùng tiếp giáp với ranh giới huyện Triệu Phong, các không gian trống, nghĩa trang và các khu vực mặt nước hiện có trong khu vực; cây xanh cách ly các khu dân cư với khu công nghiệp nhiệt điện và khu công nghiệp xử lý các sản phẩm về khí;

- Cây xanh cảnh quan, sinh thái vùng đệm: Diện tích khoảng 962,9 ha trong đó bao gồm các loại cây xanh tự nhiên, sinh thái, cảnh quan, lúa, hoa màu, rừng, mặt nước;

- Hệ thống điểm dân cư nông thôn: Tổng diện tích khoảng 400 ha; cải tạo, chỉnh trang các điểm dân cư nông thôn, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, tiếp cận tiện ích đô thị và có khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu;

Phát triển mô hình “Nông nghiệp - đô thị”, duy trì hệ sinh thái nông - lâm - ngư nghiệp hiện hữu, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng công nghệ cao; nâng cấp các trung tâm xã hiện hữu theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới; xây dựng các trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: trung tâm nghề cá, chế biến nông lâm thủy sản và các điểm tiêu thụ công nghiệp với quy mô nhỏ.

Điều 6. Quy định kiểm soát các khu vực phát triển đặc biệt:

1. Đối với khu vực nông nghiệp, rừng phòng hộ ven biển, rừng trồng, khu vực tự nhiên được bảo vệ:

- Nghiêm cấm xây dựng trong phạm vi hành lang thoát lũ;

- Tất cả các công trình xây dựng mới phải đảm bảo một khoảng lùi 15m so với suối, kênh hoặc mặt nước tập trung, trừ trường hợp đối với các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật;

- Hạn chế tối đa việc san lấp ao, kênh rạch, mặt nước tự nhiên vào các mục

đích xây dựng các khu chức năng và nhà ở khác;

- Mục tiêu là phòng giữ đặc tính hiện tại của khu vực nông nghiệp đặc trưng, địa hình và lớp phủ thực vật;

- Bảo vệ địa hình và khu tự nhiên: Cấm không được san gạt mặt bằng hoặc thay đổi lớn về địa hình trong phạm vi khoảng bảo vệ 50m ven bờ biển và ven đê cát;

- Bảo vệ thảm thực vật có sẵn: Các công trình xây dựng mới phải bảo vệ các cây có độ phát triển lớn hoặc các loài cây quý hiếm.

2. Đối với các cụm điểm du lịch ven biển:

- Mật độ xây dựng trong các khu đất tuân thủ Quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị được duyệt;

- Tầng cao xây dựng đặc trưng 1 - 2 tầng; hạn chế xây dựng cao tầng; các công trình có vị trí đặc biệt hoặc giáp trục đường lớn có thể xây dựng cao hơn trên cơ sở thiết kế đô thị (TKĐT) và quy chế quy hoạch kiến trúc được duyệt;

- Khu vực tiếp giáp bờ biển, trong phạm vi cách bãi tắm (về phía đất liền) tối thiểu 50m, khi xây dựng các công trình đảm bảo dành khoảng lùi, tạo lối đi bộ và trồng cây xanh tạo cảnh quan chung (trừ các công trình phục vụ kỹ thuật, quản lý an toàn an ninh bãi tắm: đài quan sát, trạm cứu hộ, nhà quản lý, bến thuyền....); chiều cao công trình tiếp giáp đường ven bờ biển không quá 5m;

- Không cho phép xây dựng các nhà cao tầng và các hoạt động lấn chiếm không gian, không gian biển; xây dựng các công trình nhà hàng ăn uống nổi xâm chiếm không gian mặt nước;

- Cho phép có điều kiện: Có thể xây dựng công trình cao tầng tạo điểm nhấn phù hợp với quy hoạch và thiết kế đô thị tuyến ven biển; tuyến an ninh - quốc phòng ven biển; các công trình phải đóng góp không gian mở, cảnh quan chung như vỉa hè, vườn hoa, quảng trường, sân lớn làm nơi sinh hoạt công cộng;

- Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 7. Quy định về hạ tầng kỹ thuật

1. San nền và thoát nước mưa:

a) Cao độ nền xây dựng:

- Khu vực đất dân dụng: Cao độ không chế nền xây dựng $H_{XD} \geq 3,8m$;

- Khu vực đã xây dựng, khu dân cư hiện hữu: giữ nguyên hiện trạng. San nền cục bộ, không ảnh hưởng đến cao độ chung;

- Khu vực dự kiến xây dựng khu trung tâm, công nghiệp: Cao độ không chế nền xây dựng $H_{XD} \geq 4,2m$, tần suất $P \leq 1\%$;

- Khu vực cây xanh công viên cao độ nền xây dựng $H_{XD} \geq 3.0$;

b) Các giải pháp chuẩn bị kỹ thuật:

- San gạt cục bộ đối với các công trình tại các khu vực có cốt nền cao hơn cốt

không chế, san nền theo quy mô công trình, cân bằng đào đắp tại chỗ;

- Các khu vực ven biển có cao độ nền thấp hơn cao độ không chế giữ nguyên hiện trạng, hạn chế xây dựng, giữ cảnh quan ven biển;

- Độ dốc nền và đường không chế theo quy chuẩn xây dựng.

c) Hệ thống thoát nước mưa:

- Đối với khu vực xây dựng mới, xây dựng hệ thống công riêng hoàn toàn;

- Lưu vực thoát nước: Chia khu vực thiết kế thành 4 lưu vực thoát nước:

+ *Lưu vực 1*: bao gồm khu vực phía Bắc các xã Hải Ba, Hải Quế, Hải An, diện tích lưu vực 1710 ha, hướng thoát nước chính ra biển;

+ *Lưu vực 2*: bao gồm khu vực phía Nam các xã Hải Ba, Hải Quế diện tích lưu vực 893 ha, hướng thoát nước chính vào sông Vĩnh Định;

+ *Lưu vực 3*: bao gồm khu vực xã Hải Khê, phía Bắc xã Hải Dương, diện tích lưu vực 1438 ha, hướng thoát nước chính ra biển;

+ *Lưu vực 4*: bao gồm khu vực phía Nam các xã Hải Dương diện tích lưu vực 492ha, hướng thoát nước chính vào sông Vĩnh Định;

- Cấu tạo mạng lưới thoát nước mưa: Thiết kế phân tán theo các lưu vực.

(Phương án quy hoạch cụ thể nền xây dựng căn cứ theo bản đồ Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật-QH 07-QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1).

2. Giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Đường bộ:

+ Quốc lộ 49C: Nâng cấp mở rộng đạt quy mô mặt cắt 25m; bề rộng lòng đường: 15m; Bề rộng hè đường: $5,0 \times 2 = 10\text{m}$;

+ Quốc lộ 15D: Nâng cấp đoạn từ cảng Mỹ Thủy đến QL.1 với mặt cắt 200m; gồm: hành lang cây xanh ($2 \times 50\text{m}$); đường điện (20m); hành lang đường sắt (15m); đường bộ 55m: Bề rộng lòng đường: $12 \times 2 + 7 \times 2 = 38\text{m}$, dải phân cách $3 + 1 \times 2 = 5\text{m}$, hè đường: $6,0 \times 2 = 12\text{m}$;

+ Tuyến đường trục chính phía Nam tuân thủ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế, quy mô mặt cắt 140m;

+ Đường liên khu vực: Tuyến đường chính kết nối các khu chức năng, quy mô mặt cắt ngang đường từ 50 - 55m (ký hiệu mặt cắt 3 - 3 và mặt cắt 4 - 4);

+ Đường chính khu vực hướng Đông - Tây, quy mô mặt cắt 35m (mặt cắt 5 - 5); trong đó: Bề rộng lòng đường: $7,5 \times 2 + 3 \times 2 = 21\text{m}$, dải phân cách: $2 + 1 \times 2 = 4\text{m}$, hè đường: $5,0 \times 2 = 10\text{m}$;

- Đường thủy: Cảng biển Mỹ Thủy thực hiện theo dự án chuyên ngành riêng;

- Đường sắt: Tuân thủ định hướng trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã

được phê duyệt;

b) Giao thông đối nội:

- Đường khu vực kết nối các khu chức năng quy mô mặt cắt 25m. Mặt cắt 6 - 6: Bề rộng mặt cắt ngang 25m, bề rộng lòng đường 15m; bề rộng hè đường $5,0 \times 2 = 10\text{m}$;

- Đường phân khu vực: Xây dựng mới kết hợp tận dụng các tuyến đường hiện hữu nâng cấp thành đường phân khu vực, quy mô mặt cắt 17,5m. Mặt cắt 7 - 7: Bề rộng mặt cắt ngang 17,5m; bề rộng lòng đường 7,5m; bề rộng hè đường $5,0 \times 2 = 10\text{m}$.

c) Công trình giao thông:

- Hệ thống bến bãi đỗ xe: Bố trí một bến xe khách quy mô 3 ha tại xã Hải Dương và một bến xe tải quy mô 3,5 ha tại khu vực cảng biển Mỹ Thủy;

- Nút giao thông: Xây dựng nút giao cắt dạng liên thông trục chính hướng Bắc - Nam với trục chính hướng Đông - Tây, quy mô 30 ha;

Các nút giao thông khác sử dụng giao cắt bằng cốt kết hợp đèn tín hiệu giao thông, đảm bảo an toàn cho người đi bộ, an toàn đường sắt, kết hợp các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn không gian;

- Cầu: Xây dựng cầu các kênh mương và các trục tiêu thoát nước chính.

d) Giao thông công cộng:

- Xây dựng hai tuyến xe bus: 01 tuyến dọc theo trục đường liên khu vực, qua khu vực cảng biển Mỹ Thủy điểm cuối bến tại bến xe khách tại xã Hải Dương; 01 tuyến chạy dọc theo đường vành đai đi theo QL.15D đi QL.1;

(Phương án quy hoạch cụ thể căn cứ theo Bản đồ quy hoạch giao thông - QH 05-QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn I).

3. Quy hoạch cấp nước:

- Nhu cầu dùng nước: Tổng nhu cầu dùng nước sạch $47.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; Nước thô $225.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;

- Nguồn nước: Từ nguồn nước mặt sông Nhùn, nước hồ đập Trầm và kênh chính hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn;

- Công trình đầu mối: Xây dựng 01 trạm bơm tăng áp, công suất giai đoạn đầu là: $50.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nước thô làm mát của Nhà máy nhiệt điện lấy từ nước biển; nước thô khác từ nguồn nước mặt sông Nhùn, khi cần thiết bổ sung từ nước hồ đập Trầm;

- Mạng lưới đường ống:

+ Sử dụng mạng lưới kiểu hỗn hợp: kết hợp mạng vòng và mạng cụt;

+ Ống cấp nước bố trí dưới vỉa hè, độ sâu chôn ống loại đường kính $\geq D100$ là $1,0 \div 1,2\text{m}$, ống có đường kính $\leq D100$ độ sâu đặt ống là $0,7 \div 1,0\text{m}$;

+ Vật liệu ống bằng nhựa HDPE(PE100) đối với loại ống D32 ÷ D110, bằng gang khi đường kính ống $\geq$ D150;

- Cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy trong khu vực sử dụng hệ thống chữa cháy áp lực thấp; trên mạng đường ống cấp nước sạch bố trí các trụ cứu hỏa D100 ÷ D125 mm dọc các trục đường chính với khoảng cách 150 ÷ 300m bố trí 1 trụ; bố trí thêm các trụ cứu hỏa D125 mm trên mạng đường ống dẫn nước thô để tăng nguồn dự trữ nước chữa cháy; ngoài ra các nhà máy xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy;

(Phương án quy hoạch cụ thể căn cứ theo Bản đồ định hướng cấp nước - QH 09 - QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1).

4. Quy hoạch cấp điện:

a) Phụ tải điện: Tổng công suất là 164.88 MW, tương đương 183.2 MVA.

b) Nguồn điện: Nguồn 500 KV và 220 KV. Xây dựng mới trạm 500KV và trạm 220KV KKT Đông Nam Quảng trị trong khu vực nhà máy điện với:

- Giai đoạn 1: Sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp Đông Hà công suất 220/110 KV - 2x125 KVA;

- Giai đoạn 2: Khi tổ máy của Nhà máy điện phát điện lên lưới 500 KV và 220 KV. Đường dây 220 KV chạy từ Nhà máy - Đông Hà chiều dài 20km;

- Nguồn 110 KV: Xây dựng mới trạm 110/22 KV Mỹ Thủy, công suất 2x40 MVA đầu nối từ trạm biến áp 110/22KV Diên Sanh. Xây dựng mới 3 trạm 110 KV công suất mỗi trạm 2x40 MVA trong khu vực quy hoạch.

c) Lưới điện 22 KV:

- Các đường trung thế 22 KV tại các cụm công nghiệp được thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Cấp điện từ 2 trạm biến áp 110 KV hoặc từ 2 thanh cái phân đoạn của trạm 110 KV có 2 máy biến áp;

- Các khu vực có yêu cầu an toàn công nghiệp, mỹ quan đô thị sử dụng các đường dây cáp ngầm khô, ruột đồng, cách điện XLPE có tiết diện chung $\geq$ 240mm² và đầu nối chuyên tiếp;

- Trạm biến áp phân phối 22/0,4 KV: đối với công nghiệp chọn gam công suất theo từng loại hình. Các trạm biến khác sử dụng trạm treo công suất từ 50 - 630 KVA. Các trạm biến thế, công suất 2.000 - 4.000 KVA.

- Lưới điện 0,4KV: Tại các khu dân cư, dùng dây nổi có bọc cách điện ABC, trục chính có tiết diện từ 70 - 120mm², nhánh rẽ từ 35 - 70mm²;

- Lưới điện chiếu sáng đường:

Đường có mặt cắt ngang lòng đường từ 10.5m trở lên bố trí đèn 2 bên hè đường, đường có mặt cắt ngang nhỏ hơn 10.5m bố trí đèn ở 1 bên hè đường;

Trong khu cảng thương mại, khu logistics, khu kho cảng xăng dầu bố trí đèn bằng các cột thép, bát giác cao 30 m, điều khiển tự động. Trong khu Nhà máy nhiệt điện, khu dịch vụ hậu cảng, đường bao dùng cột đèn cao áp bằng thép cao 8 - 12m.

Với đường có dải phân cách lớn hơn 6,0m bố trí đèn hai bên đường đối diện nhau, ở dải phân cách dùng đèn cầu trang trí cao 4,0m thân nhôm; khoảng cách giữa các đèn khoảng 20 - 25m.

(Phương án quy hoạch cụ thể căn cứ theo Bản đồ định hướng cấp điện - QH 08 - QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn I).

5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Khối lượng nước thải, chất thải rắn: Tổng lượng nước thải khoảng 50.000 m³/ngày. Trong đó, khối lượng nước thải sinh hoạt 16.213 m³/ngày, khối lượng nước thải công nghiệp 33.787 m³/ngày. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt 49,5 tấn/ngày, khối lượng chất thải rắn công nghiệp dự kiến 719,9 tấn/ngày.

b) Thoát nước thải: Chia khu vực quy hoạch thành 06 lưu vực thoát nước thải bao gồm:

- Lưu vực 1: Khu tái định cư Hải An, nước thải được thu gom từ các tuyến ống có đường kính D300mm đưa về trạm xử lý nước thải tại vị trí khu đất cây xanh phía Tây Bắc với công suất 3.000 m³/ngày.

- Lưu vực 2: Khu hỗn hợp dầu khí, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200 ÷ D300mm, xử lý riêng tại NM XLNT CN1 có công suất: 20.000 m³/ngày;

- Lưu vực 3: Xử lý nước dằn tàu khu vực cảng; xây dựng trạm làm sạch ở gần cảng; mạng lưới thu nước trong khu vực cảng được thiết kế theo dự án riêng, nước thải sau khi xử lý qua trạm làm sạch sẽ dẫn về NM XLNT CN2 để xử lý lần 2 đạt tiêu chuẩn;

Khu dịch vụ hậu cần cảng, phi thuế quan, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200 ÷ D300 mm, xử lý tại NM XLNT CN2 có công suất: 10.000 m³/ngày;

- Lưu vực 4: Khu công nghiệp nhiệt điện, nước thải khu vực này được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống riêng có đường kính D200 ÷ D300 mm, xử lý riêng tại NM XLNT CN3 có công suất: 10.000 m³/ngày;

- Lưu vực 5: Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê, nước thải được thu gom bằng hệ thống mạng lưới đường ống có đường kính D200 ÷ D300 mm, đưa về nhà máy xử lý nước thải SH2 có công suất: 5.000 m³/ngày;

- Lưu vực 6: Khu vực dân cư hiện trạng phía Nam, nước thải khu vực này sẽ được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, sau đó xả ra các bãi lọc trồng cây để xử lý sinh học hoặc xử lý theo từng khu, cụm dân cư bằng các bể XLNT công suất nhỏ.

c) Quy hoạch chất thải rắn (CTR): Khối lượng CTR phát sinh toàn khu vực khoảng 770 tấn/ngày cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Xây dựng 03 trạm trung chuyển CTR sinh hoạt; rác thải được vận chuyển đến: Bãi chôn lấp xã Hải Lâm, diện tích 6 ha; Bãi chôn lấp xã Hải Thọ, diện tích 20 ha; Bãi chôn lấp xã Hải Sơn, diện tích 10 ha;

- Chất thải rắn công nghiệp: Chất thải rắn công nghiệp được phân loại, tái sử

dùng tại nguồn. Phần còn lại không sử dụng được sẽ vận chuyển đến nhà máy xử lý CTR công nghiệp tập chung của KKT.

d) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang hiện có: Ổn định tối đa hệ thống nghĩa trang tập trung hiện có; dừng việc chôn cất hung táng, tiến hành cải tạo chỉnh trang, trồng cây xanh, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật; với các nghĩa trang nhỏ lẻ, năm phân tán phải di dời quy tụ thành khu vực tập trung đến vị trí thuận lợi, phù hợp phong tục tập quán của địa phương; bố trí kết hợp trong vùng cây xanh cách ly, vùng đệm kề cận;

- Nghĩa trang xây dựng mới: Theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt; bố trí 02 nghĩa trang tái định cư quy mô khoảng 10 ha/NT.

(Phương án quy hoạch cụ thể hệ thống thoát nước, xử lý chất thải rắn căn cứ theo Bản đồ định hướng thoát nước thải và xử lý chất thải rắn - QH 10-QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn I).

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường:

1. Định hướng chung:

- Giai đoạn đến năm 2025, phải có biện pháp xử lý ô nhiễm nhất là ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường nước đối với các CCN, các khu công nghiệp và nhà máy nhiệt điện than;

- Xử lý triệt để khói thải và tro xỉ do nhà máy nhiệt điện than phát thải trong quá trình hoạt động;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong khu vực quy hoạch;

- Khi bố trí các nhà máy trong KCN cần phân chia thành các nhóm ngành theo các mức độ ô nhiễm nặng, trung bình, nhẹ để bố trí gần nhau; các nhà máy ô nhiễm nặng bố trí cuối hướng gió so với nhà máy ô nhiễm nhẹ hoặc không ô nhiễm; khu xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn bố trí cuối hướng gió.

2. Phân vùng môi trường:

- Phân vùng 1: Khu vực đô thị và khu vực tái định cư, xây dựng khu xử lý nước thải sinh hoạt, khu xử lý và chôn lấp rác thải tập trung;

- Phân vùng 2: Khu vực nông nghiệp, nông thôn phía Nam quy hoạch khu chôn lấp rác thải cho khu vực nông thôn; hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, chỉ sử dụng các loại thuốc trừ sâu trong danh mục cho phép; khuyến khích sử dụng phân bón vi sinh;

- Phân vùng 3: Khu công nghiệp, nhà máy nhiệt điện than xây dựng khu xử lý nước thải, rác thải công nghiệp cục bộ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; trồng dải cây xanh cách ly giữa khu công nghiệp và khu tái định cư; đối với nhà máy nhiệt điện than áp dụng hệ thống xử lý khói thải và tro xỉ công nghệ hiện đại;

- Phân vùng 4: Khu du lịch sinh thái ven biển; nước thải, rác thải tại khu du

lịch sinh thái phải được đưa về khu xử lý tập trung; vận động người dân, khách du lịch giữ gìn vệ sinh chung, không vứt, xả rác bừa bãi; giám sát nghiêm ngặt quá trình xử lý và xả thải của các nhà máy ra môi trường;

- Phân vùng 5: Khu vực nghĩa trang: Dành quỹ đất cho xây dựng nghĩa trang tập trung của Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; khoanh trồng cây xanh quanh các khu nghĩa địa hiện hữu; tích cực vận động người dân di dời các khu mộ về khu vực nghĩa trang tập trung.

3. Giải pháp về kỹ thuật:

- Hệ thống kết cấu hạ tầng phải được thiết kế đồng bộ phải tuân theo Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam;

- Phải bố trí địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn; phải xác định rõ cơ sở tiếp nhận, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại;

- Phải tách riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước thải với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thu gom nước thải công nghiệp phải có vị trí, cốt hồ gas phù hợp để đấu nối với điểm xả nước thải của các doanh nghiệp trong KCN;

- Trong các KCN phải có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Các nhà máy này có thể chia thành nhiều đơn nguyên (Modun) nhưng phải đảm bảo tổng công suất đủ để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường. Các nhà máy xử lý nước thải tập trung phải thiết kế lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo yêu cầu nêu trong Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án;

- Trong nhà máy nhiệt điện than phải có trạm xử lý nước thải riêng biệt, các khu xử lý khói thải và tro xỉ áp dụng công nghệ tiên tiến đảm bảo xử lý triệt để trong quá trình sản xuất, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường;

- Xây dựng đầy đủ hệ thống các trạm quan trắc môi trường nước, không khí, tiếng ồn, nước.

4. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường do sản xuất công nghiệp:

- Phân luồng dòng thải; Tuần hoàn tái sử dụng nước làm mát; khơi thông hệ thống thoát nước thải, bố trí hố ga và đặt thùng thu gom chất thải rắn... Nước thải sản xuất từ nhà máy nhiệt điện phải xử lý lắng, giảm nhiệt độ, trung hòa đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; nước thải sinh hoạt từ các khu dân sinh phải được thu gom và xử lý; nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án phải được thu gom về hồ điều hòa, xử lý;

- Nước thải công nghiệp phải được giám sát chặt chẽ, toàn bộ quá trình xả thải phải đảm bảo chất lượng và tiêu chuẩn môi trường trước khi ra nguồn tiếp nhận;

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ nhà máy nhiệt điện phải được phân loại tại nguồn và thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật ứng phó với BĐKH:

- Hoàn thiện hàng rào chắn gió, cát bay; chủ động tích nước trên các hồ đập

thủy lợi; kịp thời hướng dẫn các giải pháp khắc phục thiệt hại... Bố trí lại cơ cấu cây trồng phù hợp... Lắp đặt các trạm giám sát thời tiết và thủy văn theo dõi sự thay đổi của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp lên khu vực để kịp thời đưa ra giải pháp ứng phó;

- Đối với các công trình trọng điểm khi xây dựng định hướng dài hạn đảm bảo ứng phó tốt trước sự thay đổi của khí hậu như gió, bão hay nước biển dâng.

(Định hướng bảo vệ môi trường căn cứ theo Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược - QH 12- QHPKXD Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị giai đoạn 1).

PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 9. Quy định đối với các khu chức năng

1. Khu số 1: Khu các dự án động lực

Thông tin chung: Vị trí, phạm vi: Nằm ở trung độ của khu đất, tiếp giáp về phía biển Đông; diện tích: 1195,0 ha; là khu vực trọng tâm, động lực phát triển của toàn khu kinh tế Đông Nam; trung tâm lớn về năng lượng, cảng biển nước sâu của vùng và khu vực, bao gồm các khu chức năng chính:

- Khu cảng biển Mỹ Thủy: Quy mô 335 ha;

- Khu trung tâm nhiệt điện Quảng Trị 1: Quy mô 505 ha;

- Khu tiếp nhận và xử lý khí: Quy mô 355 ha, trong đó diện tích khu vực tiếp nhận, xử lý khí, kho khí và dầu khoảng 155 ha, kế cận cảng biển Mỹ Thủy và biển; phần diện tích nội địa còn lại khoảng 200 ha bố trí nhà máy nhiệt điện khí, công suất 1.350 MW;

- Dành một phần diện tích, dải đất xây xanh rộng 50m, cho hành lang kỹ thuật truyền tải năng lượng, kết nối với khu nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị.

a) Khu cảng biển Mỹ Thủy:

- Thông tin chung: Cảng biển Mỹ Thủy;

- Giới hạn, phạm vi: Phía Bắc tuyến đường QL.15D và trung tâm nhiệt điện Quảng Trị;

- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Khu cảng có diện tích 335 ha, bố trí tại phía Bắc xã Hải An và bên cạnh Trung tâm điện lực Quảng Trị, hiện nay là khu đất có mật độ dân cư thấp, điều kiện thủy hải văn và địa chất tương đối thuận lợi xây dựng;
Tính chất, chức năng	Là cảng tổng hợp gồm: Cảng thương mại, chuyên dùng, cảng cá... công suất cảng 13,5 - 27 triệu tấn/ năm, có thể tiếp nhận tàu lớn và hiện đại, tàu container <i>(Công suất và cỡ tàu cụ thể được xác định theo dự án chuyên ngành)</i> .
Định hướng chính	Xây dựng cảng tổng hợp gồm cảng thương mại, cảng chuyên dùng và cảng cá, các khu chức năng chính thuộc cảng như khu

Hạng mục	Quy định quản lý
	dịch vụ hậu cảng, khu logistic, các khu công nghiệp hỗ trợ phát triển cảng biển bố trí phía Tây khu cảng, gần đường trục chính và kho bãi container, các khu sân cảng, cây xanh, công nghiệp đóng gói, sơ chế ... Khu cảng lỏng phục vụ nhà máy lọc hóa dầu bố trí phía Bắc, khu cảng than và cảng cá bố trí phía Nam và ngoài bến cảng nhỏ (dự kiến phục vụ nhà máy nhiệt điện trong giai đoạn đầu), khu vực cảng thương mại container bố trí tại khu vực trung tâm. Giai đoạn đến năm 2025 (<i>Tương ứng với giai đoạn 1 và giai đoạn 2 xây dựng cảng biển Mỹ Thủy</i>) dự kiến xây dựng cơ bản Cảng thương mại A1, Cảng than phục vụ cung ứng nguyên liệu nhà máy nhiệt điện than, công suất cảng dự kiến 13,5 triệu tấn/năm; giai đoạn từ năm 2025 (<i>Tương ứng với giai đoạn 3 của dự án xây dựng Cảng Mỹ Thủy</i>) hoàn thành xây dựng và lắp đặt thiết bị đồng bộ cho cảng để nâng công suất đến năm 2035 là 27 triệu tấn/năm. Các giai đoạn xây dựng cảng biển tiếp theo cần được thực hiện theo dự án riêng: có thể tiếp tục hoàn thiện nâng cấp cảng nhỏ ngoài bờ nhánh phía Bắc, phục vụ giai đoạn phát triển cảng nguyên liệu lỏng phục vụ nhà máy lọc hóa dầu và khí. Hoàn thiện toàn bộ cảng, xây dựng hệ thống cảng đảo, hình thành cảng tổng hợp thương mại và chuyên dùng Trong khu vực này gồm các chức năng: khu trung tâm thương mại dịch vụ, xúc tiến thương mại, (giới thiệu sản phẩm, hội chợ triển lãm, đặt chi nhánh, văn phòng đại diện các công ty trong nước và nước ngoài, bao gồm cả các tổ chức tài chính, ngân hàng), thương mại hàng hóa (bao gồm cả xuất khẩu, nhập, chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất, phân phối, siêu thị bán lẻ), xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác; bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vui chơi giải trí, nhà hàng ăn uống và các hoạt động sản xuất (phân loại, đóng gói, vận chuyển giao nhận hàng hóa quá cảnh), bảo quản kho tàng, các hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và hàng phục vụ tại chỗ (cà gia công, tái chế), khu logistic Các hoạt động hải quan tái xuất tại ngay khu vực này, hàng hóa tái xuất được tới cảng, sân bay (Gio Quang, huyện Gio Linh), hệ thống kho vận, đường sắt, đường bộ thuận lợi trong Khu kinh tế Đông Nam.
Quy hoạch kiến trúc	Mật độ xây dựng tối đa khu vực hỗ trợ phát triển cảng: 50%. Tầng cao điển hình 1 ÷ 2 tầng.

Hạng mục	Quy định quản lý
Hạ tầng xã hội	Xây dựng các khu vực chợ đầu mối nông sản tại vị trí đầu mối giao thông thuận lợi, phục vụ hỗ trợ phát triển cảng biển nói chung và dân cư khu vực xung quanh. Bố trí các công trình dịch vụ công cộng hoạt động chung cho khu vực và các điểm dân cư làng xóm kế cận.
Hạ tầng kỹ thuật	Phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, đồng bộ. Gắn kết và điều phối hài hòa các loại hình giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, các tuyến hành lang kỹ thuật, đảm bảo an toàn và thuận lợi nhất cho mọi hoạt động của khu vực. Kết nối hạ tầng trục chính ven biển và hạ tầng theo hướng xương ngang qua đê cát đến trục QL.1. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Khuyến khích	Xây dựng hoàn thiện cảng biển chuyên dùng phục vụ nhà máy điện than trong giai đoạn đầu. Bố trí bến cá tại cảng chuyên dùng, hỗ trợ phát triển nghề cá phục vụ địa phương.
Nghiêm cấm	Xây dựng các công trình lấn chiếm các hành lang thoát lũ, hành lang đê chắn cát.

b) Khu trung tâm nhiệt điện Quảng Trị

Tổng diện tích 505 ha, trong đó, dự án nhà máy nhiệt điện than có diện tích 450 ha, bố trí tại xã Hải Khê, giai đoạn đầu dự kiến với công suất 1.320MW, dự kiến công nghệ nhiệt điện than, tương lai sẽ sử dụng cả nguyên liệu khí và nâng công suất nhà máy lên 2x1.320 MW. Dành phần đất xung quanh nhà máy kết hợp với cây xanh phòng hộ ven biển tạo thành dải cây xanh cách ly an toàn với các điểm dân cư xung quanh; giữ quỹ đất phía Tây nhà máy, quy mô khoảng 55 ha làm phần dự kiến mở rộng trong giai đoạn tiếp sau.

- Thông tin chung: Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị, công suất giai đoạn 1 là 1.320MW, giai đoạn 2 là 2x1.320 MW, tương lai lâu dài tổng công suất lên 4.500MW;

- Giới hạn, phạm vi: Phía Đông giáp Biển Đông, phía Bắc giáp khu vực xây dựng cảng biển Mỹ Thủy, phía Tây giáp đê cát, phía Nam giáp vùng đệm và khu dân cư;

- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Đất xây dựng Nhà máy nhiệt điện BOT Quảng Trị: 450 ha
Tính chất, chức năng	Là công nghiệp điện than, khí, kết hợp với các khu vực hỗ trợ xung quanh trở thành trung tâm nhiệt điện lớn của vùng và khu vực kế cận

Hạng mục	Quy định quản lý
Định hướng chính	Trong giai đoạn đầu cần xây dựng cảng chuyên dùng riêng phục vụ nhà máy nhiệt điện than, công suất 1.320MW, trong giai đoạn 2, tăng công suất nhà máy 2x1.320MW cần cải thiện công nghệ hiện đại, tăng tỷ trọng dùng nguyên liệu khí, hạn chế và thu gom khí thải bụi bay, việc thu gom xỉ than và phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng sau nhiệt điện là cần thiết, đảm bảo vệ sinh môi trường
Quy hoạch kiến trúc	Mật độ xây dựng: theo dự án riêng Tầng cao tối đa: theo dự án riêng
Hạ tầng xã hội	Xây dựng các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ dân cư các xã: Hải Khê, Hải Dương, Hải Ba Xây dựng trung tâm hỗ trợ nghề cá, quy mô 11,5 ha
Hạ tầng kỹ thuật	Đảm bảo hành lang xây dựng và hành lang an toàn, bảo vệ các tuyến đường quốc lộ, đường vành đai, đường sắt đô thị, tuyến điện cao thế theo quy định của Luật Giao thông đường bộ...vv Liên kết các tuyến giao thông đối ngoại: tuyến Mỹ Thủy - QL.1; tuyến Trục chính trung tâm Khu Đông Nam, tuyến giao thông và vận tải đường thủy Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên. Bảo vệ hành lang thoát lũ từ phía Tây Nam khu vực trung tâm nhiệt điện chảy ra Biển và hành lang thoát lũ dọc các tuyến kênh chính Hạn chế phát triển xây dựng các công trình vào hành lang thoát lũ, hành lang cách ly bảo vệ các tuyến đường và các khu vực có nguy cơ tai biến môi trường. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Khuyến khích	Xây dựng nhà máy có công nghệ tiên tiến, đảm bảo vệ sinh môi trường Tạo dải cây xanh cách ly tuân thủ quy định hiện hành, đảm bảo vệ sinh môi trường
Nghiêm cấm	Xây dựng lấn chiếm, ảnh hưởng đến cây xanh rừng phòng hộ ven biển, cây xanh vùng đệm và cách ly các điểm dân cư lân cận

c) Khu tiếp nhận và xử lý khí (thuộc khu phức hợp năng lượng)

- Khu phức hợp năng lượng: Khu tiếp nhận khí tự nhiên, xây dựng kho dầu và khí, quy mô 155 ha; khu nhà máy nhiệt điện khí, quy mô 200 ha, bố trí kế cận phía Bắc cảng biển Mỹ Thủy, dành quỹ đất tạo thành dải xanh và hành lang tuyến ống dẫn dầu từ kho dầu kết nối với cảng lòng thuộc khu cảng tổng hợp Mỹ Thủy, cung ứng nhiên liệu và sản phẩm xuất khẩu qua cảng an toàn, hiệu quả; xung quanh khu kho và nhà máy là dải cây xanh cách ly 500m;

- Thông tin chung: Khu vực tiếp khí vào bờ, công nghiệp chủ đạo là xử lý các sản phẩm khí và dầu;

- Giới hạn, phạm vi: Phía Bắc cảng biển Mỹ Thủy, một phần tiếp giáp với Biển Đông;

- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Đất xây dựng khoảng 355 ha
Tính chất, chức năng	Khu tiếp khí vào bờ; là các khu vực xây dựng cơ sở công nghiệp dầu khí, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế cho toàn vùng
Định hướng chính	- Dành 355 ha xây dựng các khu công nghiệp xử lý các sản phẩm khí tự nhiên (phức hợp năng lượng), trong đó 155 ha dành cho xây dựng kho dầu và khí; 200 ha xây dựng Nhà máy nhiệt điện khí, bố trí kế cận phía Bắc cảng biển Mỹ Thủy, dành quỹ đất tạo thành dải xanh và hành lang tuyến ống dẫn dầu từ kho dầu kết nối với cảng lỏng thuộc khu cảng tổng hợp Mỹ Thủy, cung ứng nhiên liệu và sản phẩm xuất khẩu qua cảng an toàn, hiệu quả. Xung quanh khu kho và nhà máy là dải cây xanh cách ly 500m, vị trí kho khí dự kiến đón hướng tuyến đường ống dẫn khí từ mỏ khí Báo Vàng (lô 113-114) thêm lục địa dẫn tới Khu kinh tế Đông Nam. - Một phần diện tích công nghiệp thuộc các xã: Hải Ba, Triệu Sơn, Triệu Trạch có quy mô khoảng 300 ha, tập trung các loại hình công nghiệp cơ khí, lắp ráp, bao bì, chế biến nông lâm thủy hải sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, gốm sứ thủy tinh công nghiệp cao cấp, vật liệu mới... vv là vùng đất dự trữ phát triển mở rộng cho khu phức hợp năng lượng
Quy hoạch xây dựng	Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao điển hình 2 tầng
Hạ tầng xã hội	Mật độ xây dựng $\leq 60\%$. Chiều cao tối đa của các công trình tương đương 2-3 tầng nhà (một số khu chức năng đặc thù tuân theo công nghệ xây dựng công trình). Tối thiểu 60% không gian trống trên thửa đất phải được phủ đất và trồng cây với diện tích $50m^2$ cho 1 cây (đối với khu vực liên quan đến dầu khí, nhiệt điện có quy định chuyên ngành riêng). Các nơi đỗ xe được bố trí trên từng lô đất, và không được chiếm tỷ lệ phần trăm không gian phi xây dựng phủ đất. Các màu phủ áo và sơn được phép sử dụng: trắng, hoàng thổ, xanh lá cây. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt
Hạ tầng kỹ thuật	

Hạng mục	Quy định quản lý
	Nam
Khuyến khích	Xây dựng các công trình xử lý môi trường tại các khu công nghiệp
Nghiêm cấm	Xây dựng các công trình lấn chiếm hành lang thoát lũ, cây xanh cách ly vùng đệm

2. Khu số 2: Khu hỗ trợ phát triển các dự án động lực

Vị trí, phạm vi: Nằm ở vị trí tiếp giáp, bao ven các dự án động lực

Các khu chức năng chính: Phi thuế quan; khu Logistics; khu trung tâm thu hút và xúc tiến đầu tư, Trung tâm điều hành quản lý chung; các khu công nghiệp phụ trợ; khu công nghiệp hỗ trợ phát triển cảng biển, phát triển trung tâm nhiệt điện, phát triển khu phức hợp năng lượng...kho tàng...vv, cụ thể như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Diện tích đất khoảng 828,4 ha.
Tính chất, chức năng	Là khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực.
Định hướng chính	2.1. Khu phi thuế quan: Quy mô diện tích 275 ha. Vị trí khu vực nằm phía Tây Nam cảng biển Mỹ Thủy, kế cận tuyến đường chính Khu kinh tế và trục QL.15D. Khu phi thuế quan có hướng tiếp cận trực tiếp với một phần cảng biển Mỹ Thủy. Khu phi thuế quan có hàng rào cứng bao quanh. - Khu phi thuế quan bố trí các lô đất giành cho các chức năng: Hải quan, kho ngoại quan, khu thương mại tự do, khu bảo thuế, khu chế xuất. Khu hải quan, kiểm soát hàng hóa và điều hành: nằm sát cảng biển Mỹ Thủy, Hải quan chức năng chính là kiểm soát hàng hóa đầu vào, trung tâm điều hành có nhiệm vụ giám sát vận hành của toàn bộ Khu số I. Hàng rào cứng kiểm soát bao quanh khu Phi thuế quan; Khu Dịch vụ - Thương mại: Đây là là một khu vực sầm uất với các chức năng nhà hàng, khách sạn, trung tâm mua sắm không đánh thuế,... không chỉ phục vụ nhu cầu của các công nhân và chuyên gia làm việc trong khu mà còn phục vụ nhu cầu mua sắm không thuế của khách vãng lai và người dân ngoài khu vực; Kho chứa: Quy mô: 120,5 ha. Đây là khu vực bến bãi lớn tập kết hàng hóa trước và sau khi ra vào cảng, gồm cả kho bảo quản trong nhà và bãi tập kết ngoài trời, nằm sát cảng biển; Khu chế xuất và đóng gói sản phẩm: Quy mô: 89 ha. Đây là khu vực xử lý sản phẩm trước khi xuất ra cảng biển Mỹ Thủy, nằm cạnh trục đường chính của toàn bộ khu vực lập quy hoạch. Một nhà ga đường sắt cũng được bố trí ngay tại khu vực này, để vận chuyển những hàng hóa sau khi đã hoàn

Hạng mục	Quy định quản lý
	thiện ra cảng biển Mỹ Thủy. 2.2. Khu Logistics: Khu Logistics, quy mô: 119,4 ha, bố trí trung tâm điều hành quản lý khu vực, kho tàng, kho trung chuyển, hệ thống trung tâm dịch vụ tiếp vận, và các hạng mục hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa; 2..3. Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển cảng biển: Khu chế biến nông lâm thủy sản tập trung, hỗn hợp, quy mô: 92,9ha; các khu kho tàng bến bãi, cầu kiện bê tông đúc sẵn, phát triển xây dựng cảng, công nghiệp gỗ ép, ván dăm, chế biến nông lâm sản...vv 2..4. Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng: Các khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng: quy mô 146,7ha bao gồm: công nghiệp xử lý các sản phẩm khí, công nghiệp sản xuất đạm - amon, công nghiệp bao bì, công nghiệp gốm sứ, thủy tinh công nghệ cao, công nghiệp vật liệu công nghệ cao, công nghiệp lắp ráp ô tô xe máy, sản xuất bông sợi thủy tinh, thủy tinh bột, sứ thủy tinh, kính xây dựng và dân dụng, kính float, pha lê, vật liệu composit, men frit... trong đó diện tích dành cho kho tàng chung là 89,7 ha...vv 2..5. Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển nhà máy nhiệt điện: Các khu công nghiệp hỗ trợ phát triển nhà máy nhiệt điện: quy mô 59,6 ha bao gồm các loại hình công nghiệp vật liệu xây dựng, gạch không nung, bê tông nhẹ, phụ gia bê tông, các công trình kho bãi,...
Quy hoạch kiến trúc	Mật độ xây dựng tối đa 60% Tầng cao tối đa: 5 tầng
Hạ tầng xã hội	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại Kết nối thuận lợi và đảm bảo an toàn với tuyến trục chính theo các hướng Đông Tây qua Quốc lộ 15D vào khu trung tâm Kết nối thuận lợi với cảng biển Mỹ Thủy. Kết nối thuận lợi và đảm bảo an toàn tuyến đường ven biển và tuyến đường dân sinh ven biển hiện hữu, gắn kết khu du lịch sinh thái
Hạ tầng kỹ thuật	
Khuyến khích	Xây dựng công trình hiện đại, mang tính biểu tượng tại trung tâm dịch vụ tiếp vận xuất nhập khẩu quốc tế Khu kinh tế Đông Nam, cửa ngõ khu vực và quốc tế về phía Biển. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt

Hạng mục	Quy định quản lý
	Nam
Nghiêm cấm	Xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ tuyến hạ tầng, mặt nước cây xanh cách ly khu công nghiệp và các khu chức năng khác đặc biệt là cây xanh phòng hộ ven biển

3. Khu số 3: Hành lang xanh, vành đai xanh:

Vị trí, phạm vi: bao ven các dự án động lực, khu công nghiệp, ven kênh, biển và mặt nước tự nhiên, khu vực làng xóm hiện hữu, các vùng nông nghiệp và các nghĩa trang nghĩa địa.

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Diện tích đất khoảng 1.206,7 ha
Tính chất, chức năng	Vùng đệm xanh, hành lang cây xanh cách ly, thoát lũ, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan
Định hướng chính	3.1. Hành lang thoát lũ Hành lang thoát lũ: 200 ha, bố trí phía Bắc khu vực quy hoạch, khu vực tiếp giáp với huyện Triệu Phong; định hướng chính là giữ nguyên trạng hệ thống thoát nước tự nhiên, cây xanh hiện hữu; theo định hướng của Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, đây là khu vực dự trữ xây dựng công trình thoát lũ chính của toàn vùng. Chiều rộng $700 \div 1.000\text{m}$ dài khoảng 4.500m, chạy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, thoát lũ các lưu vực sông Thạch Hãn, Sông Nhùng ra phía biển. 3.2. Dải cây xanh cách ly Vành đai cây xanh cách ly: Ngăn tách các khu công nghiệp với khu dân cư và đô thị, với chiều rộng từ $500 \div 1.000\text{m}$, đảm bảo cho đời sống dân cư không bị ảnh hưởng bởi hoạt động của các khu công nghiệp. Quy mô khoảng 205 ha. Bố trí bao ven phía Nam nhà máy nhiệt điện cách ly khu dân tái định cư Hải Khê, ngoài chức năng là cây xanh cách ly, để tránh lãng phí quỹ đất, khu vực này cũng được tận dụng làm đất sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ công nghiệp làng nghề, tạm thời và nghĩa trang nhân dân. Về phía Bắc khu phức hợp năng lượng, quy mô khoảng 170 ha ngăn cách với khu tái định cư Hải An, tôn trọng hệ thống cây xanh và giữ nguyên hệ thống thoát nước hiện có. Đan xen trong các khu vực cây xanh cách ly bố trí các điểm nghĩa trang phục vụ tái định cư nghĩa địa dân sinh. Cung cấp các dịch vụ, tiện ích để sinh kế cho khu vực dân cư kề cận: khu chăn nuôi tập trung, trang trại trên đất cát, khu canh tác rau màu trên đất cát, các điểm đất dịch vụ, điểm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như cụm đôi mới, trung tâm hỗ trợ nghề cá. 3.3. Cây xanh vùng đệm, cảnh quan sinh thái

Hạng mục	Quy định quản lý
	Cây xanh cảnh quan: ổn định rừng phòng hộ, cây xanh ven biển, ven suối, mặt nước hiện có. Giữ gìn và khoanh trồng các dải cây xanh quanh các khu vực nghĩa trang hiện hữu tồn tại theo quy hoạch.
Quy hoạch kiến trúc	Mật độ xây dựng tối đa 5% Tầng cao: 3 tầng
Hạ tầng xã hội Hạ tầng kỹ thuật	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tiện ích cho cộng đồng dân cư theo hướng hiện đại Đảm bảo chức năng cách ly, an toàn vệ sinh môi trường. Kết nối thuận lợi các khu chức năng, tạo lập thành khung sinh thái mềm, vùng đệm nơi bố trí các công trình phục vụ cộng đồng Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật, xử lý môi trường rác thải nước thải một cách hiệu quả
Khuyến khích	Xây dựng công viên cây xanh, trung tâm thể dục thể thao, vùng nông nghiệp sinh thái, trồng rừng phòng hộ và các khu vực cây xanh cảnh quan ven biển và mặt nước. Các khu du lịch, dịch vụ du lịch theo hướng sinh thái. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Nghiêm cấm	Xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ tuyến hạ tầng, mặt nước cây xanh cách ly khu công nghiệp và các khu chức năng khác đặc biệt là cây xanh phòng hộ ven biển

4. Khu số 4: Khu tái định cư Hải An:

- Vị trí, phạm vi: Phía Bắc khu tiếp giáp vào bờ và biển Đông;
- Diện tích: 170 ha. Dân số dự kiến 10.000 dân;
- Tính chất: Là khu tái định cư phục vụ dự án cảng biển Mỹ Thủy và khu phức hợp năng lượng. Và một phần diện tích dân cư làng xóm ven biển hiện hữu;
- Các định hướng chính:
 - + Khu ở tái định cư: 100 ha, chỉ tiêu $300 \div 500 \text{ m}^2/\text{hộ}$;
 - + Khu ở dân cư thực hiện giai đoạn đầu: 40 ha.
 - + Khu công cộng và cây xanh: 33 ha, bố trí tại lõi trung tâm khu vực, cơ bản phục vụ cho nội bộ điểm dân cư;
 - + Khu nghĩa địa tái định cư mới: 10 ha bố trí xem trong khu cây xanh cách ly với nhà máy nhiệt điện khí.

5. Khu số 5: Khu làng xóm hiện trạng cải tạo, vùng đệm:

- Vị trí, phạm vi: Phía Tây Nam trục đường chính trung tâm Khu kinh tế;

- Diện tích: 1.289 ha.
- Tính chất: Là khu dân cư làng xóm cải tạo chỉnh trang và vùng nông, lâm nghiệp với chức năng đệm và bảo vệ môi trường;
- Các khu chức năng chính:
 - + Làng xóm hiện hữu: Các khu dân cư hiện có của khu vực được giữ nguyên, không bị di dời và bổ sung các công trình hạ tầng cơ sở nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Di dời một số các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra ngoài khu dân cư đến các điểm công nghiệp địa phương theo quy hoạch. Di dời các điểm chăn nuôi gây ô nhiễm đến các điểm trang trại chăn nuôi tập trung theo quy hoạch. Bổ sung một số điểm đất khai thác dịch vụ, đất ở nông thôn mới theo mô hình đô thị nông nghiệp (urban farming) tại một số vị trí thuận lợi về giao thông đáp ứng nhu cầu mở rộng của các điểm dân cư.
 - + Khu vực đệm cây xanh, nông nghiệp công nghệ cao: Xây dựng khu vực ven đô cát trở thành khu nông nghiệp công nghệ cao, thu hút các dự án đầu tư, khai thác hiệu quả quỹ đất kê cận hạ tầng giao trực chính Khu kinh tế. Vùng nông nghiệp: Khoảng 300 ha, phía Nam khu vực, tiếp giáp với đường QL.49C, ngoài chức năng là vùng nông nghiệp công nghệ cao, tại các điểm đầu mối giao thông thuận lợi, bố trí các điểm dịch vụ, văn hóa, công trình công cộng và dân cư nông thôn mới;
 - + Khu nông nghiệp đô thị "Urban farming": Bổ sung một số điểm đất khai thác dịch vụ, đất ở nông thôn mới theo mô hình đô thị nông nghiệp (urban farming) tại một số vị trí thuận lợi về giao thông đáp ứng nhu cầu mở rộng của các điểm dân cư;
- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Định hướng chính	Tiếp tục ổn định không gian làng xóm hiện hữu, hệ thống cây xanh sinh thái, không gian trống và quỹ đất nông nghiệp, rừng phòng hộ hiện có tạo thành vành đai xanh sinh thái bảo vệ môi trường Quy hoạch không gian gắn kết với quy hoạch sử dụng đất đai, hạ tầng và quy hoạch lại sản xuất theo mô hình nông thôn mới, phù hợp điều kiện địa phương. Bố trí các cụm đổi mới phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của từng xã, là hạt nhân thực đẩy phát triển toàn diện đời sống nông thôn. Đất cây xanh cách ly đô thị, công nghiệp và vùng đệm, tạo thành hành lang ngăn cách các khu vực dân cư và khu công nghiệp, đây cũng là yếu tố kiểm soát ngưỡng phát triển công nghiệp đô thị và các khu chức năng khác. Đất cây xanh cách ly được quy hoạch để đảm bảo môi trường giữa các khu công nghiệp, khu đô thị. Hướng dọc ven biển có 2 dải xanh lớn của rừng phòng hộ ven biển và dọc theo trục QL.49C, theo hướng xương ngang ra

	biển có các tuyến hành lang cách ly và nêm xanh đối với từng khu chức năng trong Khu Đông Nam. - Kết hợp dải cây xanh cách ly khu công nghiệp 500m dọc theo tuyến QL.49C. Đất dự trữ xây dựng công trình thoát lũ cấp vùng qua khu vực, các không gian trống, nghĩa trang nghĩa địa và mặt nước hiện có trong khu vực. - Trồng dải cây xanh bao ven quanh các nghĩa trang nông thôn hiện hữu, đảm bảo cải thiện vệ sinh môi trường. - Vành đai xanh vùng đệm: Được bố trí dọc trục chính Khu kinh tế. về phía bắc trục đường bố trí dải cây xanh kết hợp cảnh quan chiều rộng 50m. Về phía Nam trục chính (đê cát qua các xã: Hải Ba, Hải Quế, Hải Dương) bố trí cây xanh cách ly kết hợp cây xanh hiện hữu, vùng nông nghiệp công nghệ cao trong tương lai. Phân tách khu dân cư hiện hữu với các khu công nghiệp và tuyến đường trục chính Khu kinh tế. Đồng thời đây cũng chính là dải cây xanh cách ly của tuyến đường sắt dự kiến. - Xây dựng, cải tạo các trung tâm xã theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt.
Quy hoạch kiến trúc	Cho phép xây dựng nhà ở mật độ thấp, tạo thành các cụm và khu nhà ở hoà nhập với cảnh quan chung, khuyến khích nhà ở dạng có vườn cây xanh. Trong khu vực này được phép xây dựng các công trình thương mại, hành chính, nhà ở. các công trình phúc lợi cộng đồng, khách sạn, nhà hàng. Trong khu nhà ở, diện tích đất ở tối đa là 300 m². Trong các khu nhà ở, mật độ xây dựng (MĐXD) của các công trình phải $\leq 40\%$. Các công trình có chiều cao đặc trưng 2 ÷ 3 tầng. Đối với khu nhà ở công nhân, chuyên gia: khuyến khích xây dựng mật độ thấp và trung bình. - Đối với khu dân cư: + Mật độ xây dựng tối đa 30% + Tầng cao tối đa 3 tầng - Đối với khu vực cây xanh: + Mật độ xây dựng tối đa 5%
Hạ tầng xã hội	Hạn chế tối đa việc san lấp hồ ao, mặt nước tự nhiên vào các mục đích xây dựng các khu chức năng và nhà ở khác.
Hạ tầng kỹ thuật	Tất cả các công trình xây dựng mới phải đảm bảo một khoảng lùi 15m so với sông, kênh hoặc mặt nước tập trung, trừ trường hợp đối với các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật nối với các hoạt động nuôi trồng thủy sản. Bảo vệ địa hình và khu vực tự nhiên: Cấm không được san gạt

	mặt bằng hoặc thay đổi lớn về địa hình trong phạm vi khoảng bảo vệ 50m đê cát Bảo vệ thảm thực vật có sẵn: Các công trình xây dựng mới phải bảo vệ các cây có độ phát triển lớn hoặc các loài cây quý hiếm. Trong trường hợp khó giữ được các cây lớn và các loài thực vật mang tính điển hình thì cần phải trồng lại. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Khuyến khích	Tăng cường diện tích cây xanh tại khu vực làng xóm hiện hữu
Nghiêm cấm	Xây dựng lấn chiếm không gian xanh, chặt phá rừng phòng hộ, cây xanh cách ly các khu công nghiệp và hành lang an toàn các tuyến hạ tầng kỹ thuật

6. Khu số 6: Khu hỗn hợp chức năng Dương - Khê:

- Vị trí, phạm vi: Phía Đông Nam của khu đất quy hoạch;
- Diện tích: 723 ha;
- Tính chất: là khu hỗn hợp chức năng bao gồm khu dân cư; khu du lịch nghỉ dưỡng; khu thương mại dịch vụ lớn của toàn bộ khu quy hoạch;
- Các khu chức năng chính:
 - + Các khu dân cư: Khu tái định cư Hải Khê: Khu tái định cư cho dân cư xã Hải Khê, phục vụ dự án nhà máy nhiệt điện; tổng diện tích 183 ha, trong đó đất khu ở tái định cư có khoảng 50 ha, phần diện tích còn lại dành cho đất dịch vụ, tái định canh nông, lâm nghiệp trên đất cát, nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân; dân số dự kiến khoảng 3.000 người;
 - + Khu ở công nhân: Đây là khu ở cho công nhân làm việc trong các nhà máy công nghiệp, xây dựng chủ yếu dưới dạng chung cư thấp tầng. Quy mô: 48,9 ha; dân số dự kiến 11.500 người;
 - + Khu ở chuyên gia: Đây là khu ở phục vụ các chuyên gia trong và ngoài nước đến làm việc tại dự án; chủ yếu được tổ chức dưới biệt thự thấp tầng, cảnh quan đẹp; diện tích khoảng 49,4 ha; dân số dự kiến 2.500 người;
 - + Khu dân cư hiện hữu ven biển xã Hải Khê: Dân số dự báo năm 2035 khoảng từ 4.000 ÷ 5.000 người;
 - + Khu dịch vụ du lịch biển và sinh thái Hải Khê: Quy mô diện tích 53,8 ha; khai thác bãi tắm Hải Khê, mở rộng quy mô và xây dựng thành khu du lịch sinh thái biển;
 - + Khu Dịch vụ - Thương mại: Quy mô: 18,1ha; đây là khu thương mại sầm uất, được tạo ra không chỉ với mục đích phục vụ nhu cầu cho dân cư trong khu vực mà còn đóng vai trò giải quyết việc làm cho dân tái định cư; do đó, khu vực này chủ yếu là các công trình dạng nhà phố thương mại (shophouse), vừa là nơi sinh hoạt, vừa là nơi kinh doanh cho người dân sau khi mất đất làm nông nghiệp;
 - + Trung tâm hỗ trợ nghề cá: Quy mô 11,5 ha, xây dựng cơ sở chế biến, kho

thủy hải sản địa phương, cung cấp kỹ thuật và dịch vụ và hỗ trợ thu mua thủy sản;

+ Khu cây xanh công viên và Trung tâm thể dục thể thao (TDTT) toàn khu: Quy mô 21,4 ha; đây là khu vực công viên cây xanh kết hợp TDTT quy mô lớn, phục vụ cho toàn bộ khu quy hoạch;

+ Khu cây xanh, rừng phòng hộ, nghĩa trang hiện hữu được bảo vệ, trồng bao cây xanh tạo thành vùng đệm.

a) Khu dịch vụ du lịch và bãi tắm Hải Khê:

Tổng diện tích đất dành xây dựng các điểm dịch vụ du lịch bãi tắm là 53,8 ha; Khu du lịch sinh thái nghỉ biển tại Hải Khê với mục tiêu khai thác các dải đất ven biển có cây xanh, cảnh quan và bãi tắm hiện hữu, xây dựng trở thành các khu resort nghỉ biển chất lượng cao:

- Thông tin chung: Được phân bố ở khu vực bãi biển Hải Khê có không gian cảnh quan đẹp hình thành các khu vui chơi, giải trí và dễ tổ chức các loại hình du lịch như du lịch sinh thái biển, tắm biển, thể thao trên biển...

- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Diện tích khoảng 53,8 ha
Tính chất, chức năng	Là điểm dịch vụ, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí ven biển
Định hướng chính	Gắn kết với hệ thống cây xanh, bãi tắm và cảnh quan ven biển, xây dựng thành các cụm nhà nghỉ, biệt thự, bungalows thấp tầng, theo hướng sinh thái, bố cục không gian hướng biển Các loại hình du lịch biển như, du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, thể thao bãi biển, phát triển các loại hình thể thao dưới nước, lướt sóng, lướt ván, tàu lượn, dù kéo, cano tốc độ Cùng với các loại hình camping, motel, resort sinh thái ven biển, các cụm dự án có thể phát triển tương đối độc lập Cấu trúc giao thông mềm mại, tạo không gian phong phú, đảm bảo phân khu hợp lý; khai thác tầm nhìn về phía cảng Cửa Việt Khai thác không gian mặt nước không gian biển vào trong không gian vào khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển Dựa trên lợi thế cảnh quan thiên nhiên, địa hình dựa, các bãi tắm ven biển, xây dựng các khu du lịch nghỉ biển, resort, các khu biệt thự sinh thái ven biển nhằm khai thác du lịch. Khai thác không gian hướng biển, tổ chức các trục trung tâm và trục cây xanh hướng biển Tổ chức các bến thuyền nhỏ phục vụ các khu du lịch.
Quy hoạch kiến	Mật độ xây dựng tối đa 25%

Hạng mục	Quy định quản lý
trúc	Tầng cao điển hình 1 ÷ 2 tầng
Hạ tầng xã hội	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đồng bộ, hiện đại
Hạ tầng kỹ thuật	Kết nối thuận lợi và đảm bảo an toàn với tuyến trục chính cửa ngõ phía Bắc qua cầu Cửa Việt vào Khu kinh tế Đông Nam Kết nối thuận lợi và đảm bảo an toàn tuyến đường ven biển và tuyến đường dân sinh ven biển hiện hữu. Giao thông gắn kết với khu trung tâm của Khu kinh tế, liên hệ thuận lợi với các điểm dân cư ven biển kế cận và dân cư các xã nội địa vùng cát Triệu Sơn - Triệu Trạch Chi tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Khuyến khích	Xây dựng tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái ven biển, dải cây xanh và rừng phòng hộ ven biển
Nghiêm cấm	Xây dựng cao tầng quy mô lớn

b) Khu dân cư hiện trạng Hải Khê, khu tái định cư Hải Khê, nhà ở công nhân và nhà ở chuyên gia:

- Thông tin chung:

Bố trí tại địa phận xã Hải Khê quy mô 183 ha; khu nhà ở công nhân và chuyên gia 98,3 ha bố trí phía Đông Bắc xã Hải Dương;

Khu vực có chức năng hỗn hợp, chủ yếu là điểm dân cư hiện hữu ven biển và một phần tái định cư, gìn giữ dải cây xanh phòng hộ ven biển và bố trí dải cây xanh cách ly nhà máy nhiệt điện, khu xử dầu khí và cảng biển Mỹ Thủy; bổ sung các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ dân sinh, cải thiện hạ tầng nhất là giao thông và xây dựng trung tâm phục vụ nghề cá, kết hợp với cảng biển Mỹ Thủy khai thác triệt để lợi thế cảng ngay trong giai đoạn đầu;

- Giới hạn, phạm vi: phía Đông giáp biển Đông, phía Bắc giáp vùng đệm khu trung tâm nhiệt điện, phía Nam giáp Phong Điền - Huế, phía Tây giáp đê cát;

- Nội dung quản lý:

Hạng mục	Quy định quản lý
Quy mô	Dân số đến năm 2035 là 4.000 ÷ 5.000 dân.
Tính chất, chức năng	Là khu dân cư làng xóm hiện hữu thuộc xã Hải Khê, khu tái định cư xã Hải Khê, khu nhà ở dành cho chuyên gia, và khu vực hỗ trợ phát triển và cây xanh vùng đệm trung tâm nhiệt điện
Định hướng chính	Phát triển các điểm dân cư có giới hạn và quản lý ngưỡng phát triển đảm bảo không tác động tiêu cực tới việc phát triển hành lang xanh bao quanh khu vực, đặc biệt là khu nhà máy nhiệt

Hạng mục	Quy định quản lý
	điện than
Quy hoạch xây dựng	Mật độ xây dựng tối đa 40% Tầng cao điển hình 2 ÷ 3 tầng
Hạ tầng xã hội	Phát triển các khu nhà ở đáp ứng nhu cầu nhà ở tại chỗ; giảm áp lực nhà ở cho các làng xóm hiện có. Phát triển trung tâm hỗ trợ nghề cá, diện tích 11.5 ha Hạ tầng xã hội hỗ trợ cho nhu cầu sử dụng và khai thác của cả khu vực
Hạ tầng kỹ thuật	Đảm bảo hành lang xây dựng và hành lang an toàn, bảo vệ các tuyến đường quốc lộ, đề theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển. Hệ thống giao thông được phát triển trên cơ sở hệ thống đường hiện có kết hợp xây dựng mới đảm bảo thống nhất đồng bộ và hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên sinh thái đặc thù của khu vực, đảm bảo liên hệ nhanh chóng với khu trung tâm và các khu chức năng khác. Hệ thống các công trình phục vụ giao thông đáp ứng đủ nhu cầu và được xây dựng hiện đại: Dành đủ đất bố trí bãi đỗ xe ô tô công cộng tại các khu vực trung tâm. Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên. Kiểm soát ô nhiễm trong khu xây dựng mới và khu vực làng xóm hiện có. Đảm bảo tỷ lệ cây xanh Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
Khuyến khích	Xây dựng các công trình hỗ trợ sản xuất tại địa phương, các công trình hạ tầng xã hội Xây dựng nhà ở thấp tầng, gắn với vườn cây xanh Chung cư thấp tầng sinh thái, mật độ thấp và trung bình, bố trí đủ tiện nghi cơ sở hạ tầng xã hội (nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp)
Nghiêm cấm	Xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, lấn chiếm hành lang cây xanh cách ly vùng đệm Khu trung tâm nhiệt điện Xây dựng lấn chiếm hành lang đê chắn cát Chặt phá rừng phòng hộ ven biển

7. Những quy định cụ thể khác về kiến trúc và cảnh quan:

Các khu vực trong quy hoạch phải được xây dựng theo đúng quy định về quy mô diện tích, mật độ xây dựng, tầng cao và hệ số sử dụng đất bằng tổng hợp sau:

Quy định các chỉ tiêu chính quản lý quy hoạch xây dựng tại các khu chức năng:

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	MĐ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		5940.0			
A	KHU CÁC DỰ ÁN ĐỘNG LỰC		1195.0			
1	Cảng biển Mỹ Thủy (sân cảng 335ha)		335.0			
2	Trung tâm tiếp nhận và xử lý khí (Nhà máy nhiệt điện khí, khu kỹ thuật tiếp khí vào bờ, kho) - Nhà máy nhiệt điện khí 200ha - Khu tiếp và xử lý khí 155ha		355.0			
3	Trung tâm nhiệt điện BOT Quảng Trị		505.0			
3.1	Nhà máy nhiệt điện BOT		450.0			
3.2	Khu đất dự trữ nhà máy nhiệt điện		55.0			
B	KHU VỰC PHỤ CẠN		4745.0			
I	ĐẤT DÂN DỤNG		1056.80			
1.1	Đất ở		694.80			
1.1.1	Đất nhóm nhà ở tái định cư	NO	220.00			
-	Khu tái định cư Hải An	NO 1	170.0	1.2	40	3
-	Khu tái định cư Hải Khê (giai đoạn 1)	NO 2	50.0	1.2	40	3
1.1.2	Đất dân cư hiện trạng	OHT	376.5			
-	Đất ở	OHT	368.25			
-	Đất trường học	TH	3.2			
-	Đất tôn giáo	TG	5.05			
1.1.3	Đất ở chuyên gia	CG	49.4			
		OCG 1	49.4	0.9	30	3
1.1.4	Đất ở công nhân	OCN 1	48.9			
		OCN 1	48.9	2	40	5
1.2	Đất công cộng	CCDT	90.3			
1.2.1	Đất cụm trường học	CTH	3.4	1.2	40	3
1.2.2	Đất công trình văn hóa y tế	VHYT	1.5	1.2	40	3
1.2.3	Đất công cộng hỗn hợp	CCDT	85.4	2	40	5
1.3	Đất cây xanh công viên - TDTT	CXCV	21.4	0.05	5	1
1.4	Đất dịch vụ		132.7			
1.4.1	Đất dịch vụ thương mại	DV	111.5	2.5	50	5
1.4.2	Đất dịch vụ văn hóa	DVVH	21.2	2.5	50	5
1.5	Đất giao thông		117.6			
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		2722.3			
2.1	Đất khu phi thuế quan	PTQ	275			
2.2	Đất khu vực hỗ trợ phát triển cảng biển (Logistic,...)	CNCB	119.4			
		CNCB 1	119.4	1.2	60	2
2.3	Đất công nghiệp phụ trợ		299.15			

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (ha)	Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)	MĐ XD tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
2.3.1	Đất công nghiệp hỗn hợp	CNHH	92.9	3	60	5
2.3.2	Đất công nghiệp hỗ trợ nhà máy nhiệt điện	CNND	59.55	1.2	60	2
2.3.3	Đất công nghiệp hỗ trợ khu phức hợp năng lượng	CNPH	146.7	1.2	60	2
2.4	Đất tiểu thủ công nghiệp	TTCN	97.4	1.2	60	2
2.5	Đất kho tàng	KT	89.7	0.6	60	1
2.6	Đất du lịch	DLST	53.8	0.6	30	2
2.7	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	HTKT	4.9			
2.8	Đất giao thông (đội ngoại)		410.3			
2.9	Đất cây xanh		962.90			
2.9.1	Đất cây xanh chuyên đề	CXCĐ	517.00			
2.9.2	Đất cây xanh cách li	CXCL	333.4			
2.9.3	Mặt nước	MN	112.5			
2.10	Đất nghĩa trang	NT	409.7			
III	ĐẤT KHÁC		965.95			
3.1	Đất nông nghiệp	NN	531.55			
3.1.1	Đất chăn nuôi công nghệ cao	CNCNC	19.15	1.2	40	3
3.1.2	Đất nuôi trồng thủy hải sản	NTS	23.5			
3.1.3	Đất lúa	ĐL	214.7			
3.1.4	Đất hoa màu	R	217.7			
3.1.5	Đất sản xuất nông nghiệp tập trung	NNTT	56.5			
3.2	Đất lâm nghiệp		362.2			
3.2.1	Đất rừng phòng hộ	RPH	287.9			
3.2.2	Đất rừng sản xuất	RSX	74.3			
3.3	Đất bãi cát	BC	32.8			
3.4	Đất trung tâm hỗ trợ nghề cá	HTNC	11.5	1.2	40	3
3.5	Đất an ninh quốc phòng (đồn biên phòng)	ANQP	9.9			
3.6	Đất dự trữ phát triển khu nhà ở	DTNO	18			
	TỔNG		5940			

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan

1. Phân công trách nhiệm

a) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

- Phối hợp với UBND huyện Hải Lăng và các sở, ngành liên quan thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng; quản lý phát triển cải tạo, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án quy hoạch được duyệt và chịu

trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện xây dựng theo quy hoạch;

- Rà soát sửa đổi bổ sung các quy hoạch, quy định có liên quan đã ban hành phù hợp với Quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt;

- Phối hợp với các sở, ngành có trách nhiệm giám sát toàn bộ việc thực hiện triển khai quy hoạch và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch phân khu đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Phối hợp UBND huyện Hải Lăng và các sở, ngành liên quan tổ chức lập quy hoạch chi tiết 1/500, các dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế đô thị, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch đặc thù nhằm quản lý chặt chẽ sự phát triển không gian khu vực này;

- Căn cứ vào hồ sơ đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 và quy định này, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với các ban ngành chức năng, quản lý trật tự xây dựng, kiểm tra việc đầu tư xây dựng theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng đã được phê duyệt và cung cấp thông tin về quy hoạch kiến trúc theo đồ án quy hoạch được duyệt.

b) Sở Xây dựng: Phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng tổ chức, quản lý và giám sát việc triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 và Quy định này.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh quản lý toàn bộ các hoạt động về đất đai, môi trường, khoáng sản, nước trong phạm vi theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 và Quy định này.

d) UBND huyện Hải Lăng:

Tổ chức và thực hiện việc giải phóng, bàn giao mặt bằng xây dựng đảm bảo tiến độ xây dựng và tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án trong khu vực.

e) Các sở, ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện Hải Lăng để quản lý theo ngành, lĩnh vực được phân công theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1, tỷ lệ 1/2.000 và Quy định này.

2. Quy định về công bố thông tin

- Giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện Hải Lăng tổ chức công bố công khai và phổ biến cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các nhân có liên quan trên địa bàn chịu trách nhiệm thực hiện Quy định quản lý này;

- Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận và lưu giữ hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng để phục vụ công tác quản lý theo quy định; cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức và các nhân, nếu có yêu cầu;

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh là cơ quan đầu mối, phối hợp với Sở Xây dựng,

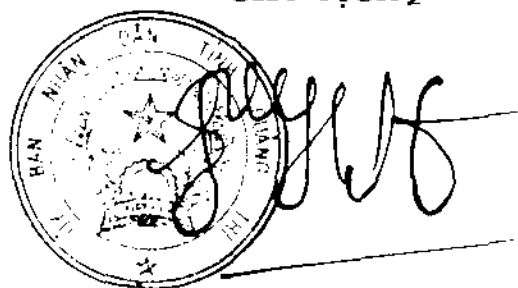
Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện có liên quan, định kỳ hàng năm cập nhật tình hình các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, báo cáo UBND tỉnh Quảng Trị về tình hình thực hiện.

Điều 11. Quy định về xử phạt thi hành

- Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

- Mọi vi phạm các điều khoản của Quy định quản lý này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy tố trước Pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính